**BẢNG SO SÁNH NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

**CHƯƠNG TRÌNH CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH ĐẾN NĂM 2025**

| **Mục/Điều sửa đổi** | **Quyết định 2269/QĐ-TTg** | **Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung** | **Phần sửa đổi** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. Sửa đổi tên tiêu đề phần I, Điều 1 | **I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH** | **I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH VÀ DANH MỤC DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH** |  |
| 2. Sửa đổi, bổ sung điểm c mục 2 phần I Điều 1 | c) Đạt 100% thôn, bản, làng, ấp, phum, sóc, buôn, bon, đảo có hộ dân sinh sống (gọi chung là thôn) đã có điện thuộc vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các khu vực mà doanh nghiệp không có khả năng kinh doanh hiệu quả theo cơ chế thị trường được cung cấp dịch vụ viễn thông di động mặt đất; | c) Đạt 100% thôn, bản, làng, ấp, phum, sóc, buôn, bon, đảo có hộ dân sinh sống (gọi chung là thôn) tại các xã biên giới, miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; vùng đồng bào dân tộc thiểu số; các xã, các thôn đặc biệt khó khăn; và các khu vực khó có khả năng kinh doanh hiệu quả theo cơ chế thị trường (sau đây gọi chung là khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông) được cung cấp dịch vụ viễn thông di động mặt đất; | 1. Viết lại câu chữ: khu vực được hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo đúng quy định của Luật VT.  2. Bỏ cụm từ “đã có điện”.  3. Mở rộng địa bàn hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông di động: thôn đặc biệt khó khăn ngoài xã đặc biệt khó khăn.  Lý do:  Tại điểm a khoản 3 Điều 31 Luật Viễn thông quy định về địa bàn, khu vực khó khăn hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập: “*…tại khu vực biên giới, miền núi, vùng cao, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các khu vực khó có khả năng kinh doanh hiệu quả theo cơ chế thị trường”*. Như vậy tất cả địa bàn (thôn) thuộc *vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn* thuộc địa bàn, khu vực được hỗ trợ theo quy định tại Luật Viễn thông.  Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn ít nhất 2.043 thôn, bản đặc biệt khó khăn (theo danh sách tại Quyết định 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021 của Uỷ ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025) chưa thuộc địa bàn, khu vực hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích của Chương trình.  Bộ TTTT đề nghị bổ sung các thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (tại Quyết định 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021 của Uỷ ban Dân tộc) thuộc địa bàn, khu vực hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích của Chương trình. |
| 3. Sửa đổi, bổ sung điểm d mục 2 phần I Điều 1 | d) Đạt 95% thôn đã có điện thuộc các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo và các khu vực doanh nghiệp không có khả năng kinh doanh hiệu quả theo cơ chế thị trường được cung cấp dịch vụ truy cập Internet băng rộng cố định; | d) Đạt 95% thôn thuộc khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông được cung cấp dịch vụ truy cập Internet băng rộng cố định mặt đất; | 1. Sửa lại câu chữ để đồng bộ với mục 2 trên.  2. Bỏ cụm từ “đã có điện”. |
| 4. Sửa đổi, bổ sung điểm đ mục 2 phần I Điều 1 | đ) Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách xã hội và các đối tượng chính sách đặc biệt khác; ngư dân đánh bắt hải sản trên biển; | đ) Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; ngư dân đánh bắt hải sản trên biển; | Tạm thời bỏ 02 nhóm đối tượng gia đình chính sách xã hội và các đối tượng chính sách đặc biệt khác ra khỏi Chương trình.  Lý do: Hiện nay chưa có quy định của pháp luật về gia đình chính sách xã hội và các đối tượng chính sách đặc biệt khác. |
| 5. Sửa đổi, bổ sung điểm e mục 2 phần I Điều 1 | e) Hỗ trợ cho 800.000 hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách xã hội và các đối tượng chính sách đặc biệt khác trang bị thiết bị đầu cuối phục vụ học tập, thông tin liên lạc; | e) Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo trang bị điện thoại thông minh để sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập. | 1. Bỏ 02 nhóm đối tượng gia đình chính sách xã hội và các đối tượng chính sách đặc biệt khác ra khỏi Chương trình.  2. Chuyển hướng hỗ trợ máy tính bảng sang hỗ trợ điện thoại thông minh.  Lý do: Việc hỗ trợ máy tính bảng phục vụ học sinh học trực tuyến theo Chương trình “Sóng và Máy tính cho em” không còn phù hợp trong giai đoạn hiện nay. Do vậy, Bộ TTTT đề xuất chuyển đổi nhiệm vụ hỗ trợ máy tính bảng và toàn bộ kinh phí hỗ trợ máy tính bảng sang hỗ trợ điện thoại thông minh cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo.  3. Bổ sung cụm từ ‘khi là thuê bao dịch vụ viễn thông phổ cập’.  Lý do: Nhằm khuyến khích các hộ gia đình được hỗ trợ điện thoại thông minh đăng ký sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập. |
|  | g) 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo, huyện đảo được hỗ trợ cung cấp dịch vụ truy nhập Internet băng rộng công cộng;  h) Hỗ trợ các đối tượng sử dụng dịch vụ truy nhập Internet băng rộng tại các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo, huyện đảo và các khu vực khác theo nhiệm vụ của Chương trình. | g) 100% xã thuộc khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông được hỗ trợ cung cấp dịch vụ truy nhập Internet băng rộng công cộng;  h) Hỗ trợ các đối tượng sử dụng dịch vụ truy nhập Internet băng rộng tại các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng thuộc khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông và các khu vực khác theo nhiệm vụ của Chương trình. |  |
| 6. Bổ sung mục 3 Phần I, Điều 1 |  | 3. Danh mục dịch vụ viễn thông công ích:  a) Dịch vụ viễn thông bắt buộc:  - Dịch vụ viễn thông phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn (gồm: dịch vụ điện thoại; dịch vụ truyền dữ liệu qua vệ tinh; dịch vụ nhắn tin qua mạng viễn thông di động mặt đất);  - Dịch vụ viễn thông di động hàng hải (qua hệ thống đài thông tin duyên hải) phục vụ các sự kiện tìm kiếm, cứu nạn trên biển;  - Dịch vụ viễn thông phục vụ liên lạc khẩn cấp đến các số 113, 114 và 115.  b) Dịch vụ viễn thông phổ cập  - Dịch vụ viễn thông cố định mặt đất:  + Dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất.  + Dịch vụ truyền số liệu (truyền dẫn cáp quang, truyền dẫn viba, truyền dẫn vệ tinh) để kết nối thông tin từ đất liền ra các đảo, xã đảo, huyện đảo, nhà giàn trên biển.  - Dịch vụ viễn thông di động mặt đất:  + Dịch vụ điện thoại.  + Dịch vụ truy nhập Internet băng rộng.  + Dịch vụ nhắn tin.  - Dịch vụ viễn thông di động hàng hải (dịch vụ điện thoại) phục vụ liên lạc cho ngư dân trên tàu, thuyền Việt Nam đánh bắt hải sản trên biển. | - Thực hiện theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Viễn thông (Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ viễn thông công ích trong Chương trình cung cấp dịch vụ VTCI).  - Danh mục dịch vụ viễn thông công ích (tại Điều 5 Thông tư số 14/2022/TT-BTTTT ngày 28/10/2022 của Bộ TTTT) đã được thực hiện ổn định, không có vướng mắc trong thời gian qua. |
| 7. Sửa đổi, bổ sung điểm a mục 1 phần II Điều 1 | a) Hỗ trợ một phần chi phí cung cấp dịch vụ viễn thông di động mặt đất, dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định để phổ cập dịch vụ viễn thông tại các thôn đã có điện thuộc các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo, huyện đảo, khu vực doanh nghiệp không có khả năng kinh doanh hiệu quả theo cơ chế thị trường đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 còn chưa có các dịch vụ trên và từ năm 2021 trở đi mới được cung cấp dịch vụ (gọi chung là khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông); | a) Hỗ trợ doanh nghiệp viễn thông bù đắp chi phí phát triển, duy trì cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập ở các khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông sau đây:  - Khu vực chưa có dịch vụ viễn thông di động mặt đất và dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất.  - Khu vực từ năm 2021 trở đi mới được cung cấp dịch vụ viễn thông di động mặt đất, dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất nếu chỉ có 1 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ và doanh thu phát sinh không đủ bù đắp chi phí tại khu vực này. | 1. Thay cụm từ ‘một phần chi phí’ bằng cụm từ ‘bù đắp chi phí ’.  Lý do: Sửa câu từ để đồng bộ với Luật Viễn thông (điểm a khoản 3 Điều 31).  2. Thay khu vực được hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập để đồng bộ với mục 2 như trên  3. Bổ sung câu ‘chỉ có 1 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ và doanh thu phát sinh tại khu vực không đủ bù đắp chi phí trực tiếp tại khu vực này’.  Lý do: Chỉ hỗ trợ khu vực không có cạnh tranh và kinh doanh không có hiệu quả theo cơ chế thị trường (doanh thu không bù đắp được chi phí).  4. Không thực hiện nhiệm vụ nâng cấp (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 31 Luật VT, doanh nghiệp được hỗ trợ để phát triển, nâng cấp, duy trì cơ sở hạ tầng VT). Do thời gian này chỉ tập trung hỗ trợ doanh nghiệp phát triển hạ tầng viễn thông. |
| 8. Sửa đổi, bổ sung điểm b mục 2, phần II Điều 1 | b) Hỗ trợ trang bị một trong hai loại thiết bị đầu cuối sau đây cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách xã hội và các đối tượng chính sách đặc biệt khác có nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông:  - Mỗi hộ 01 máy tính bảng cho 400.000 hộ, ưu tiên hộ có thành viên đang học tại các cơ sở giáo dục phổ thông.  - Một phần chi phí trang bị 01 điện thoại thông minh cho 400.000 hộ chưa được hỗ trợ máy tính bảng. | b) Hỗ trợ 800.000 hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa có điện thoại thông minh để đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập. | 1. Tạm thời bỏ 02 nhóm đối tượng gia đình chính sách xã hội và các đối tượng chính sách đặc biệt khác ra khỏi Chương trình.  2. Chuyển hướng hỗ trợ máy tính bảng sang hỗ trợ điện thoại thông minh.  3. Nâng mức hỗ trợ điện thoại thông minh lên 2 - 2,5 triệu đồng/01 hộ.  Lý do:  - Việc hỗ trợ máy tính bảng phục vụ học sinh học trực tuyến theo Chương trình “Sóng và Máy tính cho em” không còn phù hợp trong giai đoạn hiện nay.  - Đảm bảo mức hỗ trợ điện thoại thông minh có giá trị tương đương với mức hỗ trợ máy tính bảng, công bằng cho các đối tượng được hỗ trợ thiết bị đầu cuối.  - Mức hỗ trợ 500.000đ/01 máy điện thoại thông minh được đề xuất (tại thời điểm xây dựng Chương trình - năm 2021) dựa trên dự kiến có nguồn kinh phí xã hội hoá bổ sung và có sự đóng góp của hộ gia đình. Tuy nhiên, việc huy động nguồn xã hội hoá từ các doanh nghiệp viễn thông đã được Bộ TTTT huy động và chuyển về Bộ GDĐT để hỗ trợ thiết bị đầu cuối cho học sinh. Việc huy động đóng góp của người dân rất phức tạp, không phải hộ gia đình nào cũng có thể đáp ứng được, trong khi nguồn kinh phí hỗ trợ 500.000đ/01 máy không đảm bảo chất lượng điện thoại thông minh. |
| 9. Sửa đổi, bổ sung điểm c mục 2, phần II Điều 1 | c) Hỗ trợ một phần chi phí cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách xã hội và các đối tượng chính sách đặc biệt khác có nhu cầu sử dụng một trong 02 dịch vụ viễn thông sau đây:  - Dịch vụ viễn thông di động mặt đất.  - Dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định (đối với các hộ sinh sống tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo, huyện đảo, khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông). | c) Hỗ trợ một phần chi phí cho hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu sử dụng một trong 02 dịch vụ viễn thông sau đây:  - Dịch vụ viễn thông di động mặt đất.  - Dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định. | 1. Tạm thời bỏ 02 nhóm đối tượng gia đình chính sách xã hội và các đối tượng chính sách đặc biệt khác ra khỏi Chương trình.  2. Mở rộng địa bàn, khu vực ra toàn quốc (không giới hạn chỉ là khu vực đặc biệt khó khăn) hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định.  Lý do:  - Thực hiện nguyên tắc “*Bảo đảm quyền truy nhập dịch vụ bình đẳng, hợp lý cho mọi người dân”* (cụ thể là hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo) theo quy định của Luật Viễn thông.  - Nhằm thực hiện một trong các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc là phổ cập dịch vụ truy nhập internet băng rộng[[1]](#footnote-1).  - Góp phần thực hiện mục tiêu của Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030: 80% tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang vào năm 2025, đạt 100% vào năm 2030 (Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của TTCP).  - Góp phần thực hiện mục tiêu của Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030: Phổ cập cáp quang đến các hộ gia đình vào năm 2025, 100% người sử dụng có khả năng truy nhập cáp quang với tốc độ 1 Gb/s trở lên vào năm 2030 (Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09/10/2024 của TTCP). |
| 10. Sửa đổi điểm a mục 3 phần III Điều 1 | a) Đối với các doanh nghiệp đã cung cấp dịch vụ viễn thông di động mặt đất, dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định tại các khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông (không qua đấu thầu) và được cung cấp dịch vụ từ năm 2021 trở đi (theo danh sách Bộ Thông tin và Truyền thông xác định) thì được hỗ trợ chi phí cung cấp dịch vụ theo mức do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định theo phương thức đặt hàng; thời điểm được tính hỗ trợ là từ khi Quyết định này có hiệu lực thi hành và doanh nghiệp đã cung cấp dịch vụ; | a) Mức hỗ trợ cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập theo quy định của Chính phủ phù hợp với từng phương thức thực hiện. | Nhằm thống nhất với các quy định tại Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Viễn thông về hoạt động VTCI (dự thảo Nghị định hiện nay Bộ TTTT đang hoàn thiện trình Chính phủ ban hành). |
| 11. Sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm d mục 4 phần III Điều 1 | b) Hỗ trợ trang bị thiết bị đầu cuối: Thực hiện theo mức hỗ trợ hoặc thông qua đấu thầu lựa chọn nhà cung cấp thiết bị theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông; | b) Hỗ trợ trang bị điện thoại thông minh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo: Hình thức hỗ trợ, phương thức thực hiện theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông | Nhằm thống nhất với các quy định tại Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Viễn thông về hoạt động VTCI (dự thảo Nghị định hiện nay Bộ TTTT đang hoàn thiện trình Chính phủ ban hành). |
| 12. Sửa đổi, bổ sung điểm b mục 4 phần III Điều 1 | d) Việc hỗ trợ thiết bị đầu cuối, hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách xã hội và các đối tượng chính sách đặc biệt khác được thực hiện với thứ tự ưu tiên theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. | d) Trường hợp số hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu hỗ trợ trang bị điện thoại thông minh vượt quá số lượng hỗ trợ điện thoại tại điểm b mục 2 phần II Điều 1 thì các địa phương căn cứ điều kiện thực tế quyết định tiêu chí ưu tiên cụ thể và lập danh sách hộ gia đình được hỗ trợ thuộc phạm vi quản lý theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. | 1. Thay cụm từ “thiết bị đầu cuối” bằng cụm từ “điện thoại thông minh”.  2. Tạm thời bỏ 02 nhóm đối tượng gia đình chính sách xã hội và các đối tượng chính sách đặc biệt khác ra khỏi Chương trình. |
| 12. Sửa đổi, bổ sung mục 5 phần III Điều 1 | 5. Phương thức cung cấp dịch vụ viễn thông công ích  a) Đặt hàng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đối với các nhiệm vụ đã được Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành mức hỗ trợ;  b) Đấu thầu lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại các khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông (trừ những khu vực thực hiện hỗ trợ theo phương thức đặt hàng quy định tại điểm a mục 3 phần này) và thực hiện các nhiệm vụ khác thuộc Chương trình mà Nhà nước không ban hành mức hỗ trợ;  c) Giao kế hoạch cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích trong trường hợp không lựa chọn được doanh nghiệp cung cấp dịch vụ như quy định tại điểm a, b mục này; Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định lựa chọn doanh nghiệp để giao kế hoạch cung cấp dịch vụ viễn thông công ích. | 5. Phương thức hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích:  a) Thực hiện phương thức đấu thầu để lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập ở khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông chưa có dịch vụ này, trừ trường hợp cung cấp dịch vụ quy định tại điểm b mục này;  b) Thực hiện phương thức giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập tại khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông đối với:  - Cung cấp dịch vụ viễn thông di động mặt đất tại khu vực đến hết quý 1 năm 2025 chưa có dịch vụ.  - Cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập tại khu vực từ năm 2021 trở đi mới được cung cấp dịch vụ.  - Cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập đến các đảo, xã đảo, nhà giàn trên biển.  c) Danh mục khu vực, địa bàn cụ thể được hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo các phương thức tại điểm a, điểm b mục này thực hiện theo kế hoạch của Bộ Thông tin và Truyền thông. | Nhằm thống nhất với các quy định tại Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Viễn thông về hoạt động VTCI (dự thảo Nghị định hiện nay Bộ TTTT đang hoàn thiện trình Chính phủ ban hành). |
| 13. Bãi bỏ mục 3 Phần II và Mục 6 Phần III Điều 1 | 3. Thông tin, tuyên truyền; hướng dẫn sử dụng dịch vụ viễn thông công ích; kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình.  6. Giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ thông tin, tuyên truyền về thực hiện chương trình; hướng dẫn sử dụng dịch vụ viễn thông công ích. |  | Đảm bảo thực hiện đúng quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật Viễn thông. |
| 18. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 2 | a) Ban hành danh mục, chất lượng, giá cước dịch vụ viễn thông công ích; | a) Ban hành chất lượng, giá cước dịch vụ viễn thông công ích; | Bỏ cụm từ “danh mục”, do thuộc thẩm quyền của TTCP theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Viễn thông. |
| 19. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 2 | b) Quy định đối tượng, phạm vi, khu vực được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (bao gồm khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông thông qua đặt hàng, đấu thầu); mức hỗ trợ cung cấp, sử dụng các dịch vụ viễn thông công ích; thứ tự và mức độ ưu tiên thực hiện các chính sách nêu tại điểm b và điểm c mục 2 Phần II Điều 1; | b) Tổ chức lập kế hoạch cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập và triển khai thực hiện theo quy định; | Sửa đổi lại câu chữ đảm bảo sự bao quát và bỏ cụm từ “đối tượng, phạm vi, khu vực được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (bao gồm khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông thông qua đặt hàng, đấu thầu)”, do thuộc thẩm quyền của TTCP theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Viễn thông. |
| 20. Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 2 | c) Quy định, yêu cầu về chất lượng, tiêu chí kỹ thuật và phương thức hỗ trợ thiết bị cuối cho các đối tượng thụ hưởng thuộc phạm vi của Chương trình; | c) Công bố yêu cầu về chất lượng, tiêu chí kỹ thuật điện thoại thông minh hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo; | 1. Bỏ cụm từ “phương thức” do thuộc thẩm quyền của TTCP theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Viễn thông.  2. Thay cụm từ “thiết bị đầu cuối” bằng cụm từ “điện thoại thông minh”. |
| 21. Sửa đổi điểm d khoản 1 Điều 2 | d) Tổ chức xây dựng, phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình, dự toán kinh phí sử dụng Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam, phương thức thực hiện cung cấp dịch vụ viễn thông công ích và các nhiệm vụ khác của Chương trình; bao gồm thực hiện đặt hàng các doanh nghiệp viễn thông thực hiện nhiệm vụ nêu tại điểm a mục 1 Phần II theo quy định tại điểm a mục 3 Phần III Điều 1; | d) Tổ chức xây dựng, phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình, dự toán kinh phí sử dụng Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; | Bỏ cụm từ “phương thức thực hiện cung cấp dịch vụ viễn thông công ích và các nhiệm vụ khác của Chương trình; bao gồm thực hiện đặt hàng các doanh nghiệp viễn thông thực hiện nhiệm vụ nêu tại điểm a mục 1 Phần II theo quy định tại điểm a mục 3 Phần III Điều 1”, do thuộc thẩm quyền của TTCP theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Viễn thông. |

1. Mục tiêu SDG 9.1 của Liên Hợp Quốc “Phát triển cơ sở hạ tầng chất lượng, đáng tin cậy, bền vững và có khả năng phục hồi, bao gồm cơ sở hạ tầng khu vực và xuyên biên giới, để hỗ trợ phát triển kinh tế và phúc lợi của con người, trong đó tập trung vào khả năng tiếp cận công bằng và giá cả phải chăng cho tất cả mọi người”; Mục tiêu 9.c “Tăng cường khả năng tiếp cận công nghệ thông tin và truyền thông và phấn đấu cung cấp khả năng tiếp cận Internet phổ cập và giá cả phải chăng ở các nước kém phát triển nhất vào năm 2020”. [↑](#footnote-ref-1)